

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **172/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 31 - 5 - 2022
V/v Ly hôn, trA chấp về nuôi con.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê ThA Hiên.

Ông Nguyễn Trường Hận.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2022 về việc “*Ly hôn, trA chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/4/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Kiều A (Đỗ Kiều A), sinh năm 1982.

- *Bị đơn:* Ông Cao Văn P, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/02/2022 và đơn xin không tham dự phiên toà ngày 07/02/2022 của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2000 bà A và ông P được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 06/9/2004 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 656/2004). Thời kỳ hôn nhân có 03 con chung tên Cao Kiều D, sinh 15/10/2001, Cao Thị T, sinh 19/8/2007 và Cao D T1, sinh 03/01/2017 (Cháu D đã trưởng thành và lo tự lo được cuộc sống riêng, cháu T và cháu T1 hiện đang sống với bà A).

Về tài sản chung không có, về nợ chung tự thỏa thuận.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Bà A xác định do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều chuyện bất hòa, vợ chồng thường xuyên cự cãi ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, gia đình 02 bên hàn gắn nhiều lần nhưng không được.

Bà A yêu cầu ly hôn với ông P. Về con chung đối với cháu T và cháu T1 có nguyện vọng sống với ai người đó nuôi dạy, nếu sống với chị A thì yêu cầu ông P cấp dưỡng cho con mỗi con 750.000 đồng/tháng; đối với cháu D đã trưởng thành không yêu cầu xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trả lời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tra chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tra chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tra chấp về nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mỗi quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông P được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mỗi quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, đồng thời phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Nhưng bà A và ông P không làm được điều đó, mà lại làm cho đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không có được hạnh phúc, vợ chồng không hàn gắn trở lại được; quá trình giải quyết vụ án bà A yêu cầu ly hôn và đồng thời xin vắng mặt, ông P thì cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà A, do đó xác định được bà A và ông P không còn quan tâm gì đối với mối quan hệ hôn nhân này và bà A, ông P đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng với nhau nên đã dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục D trì mối quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông P là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 656/201304 ngày 06/9/2004 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Cao Thị T đã trên 07 tuổi và sau khi xem xét nguyện vọng của cháu thì ghi nhận được cháu có nguyện vọng được sống với bà A, đối với cháu Cao D T1 hiện nay còn nhỏ đang được bà A trực tiếp nuôi dạy; bà A không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T1 và tôn trọng nguyện vọng của cháu T, nên giao các cháu cho bà A nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ông P có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với bà A; nếu ông P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Cháu T và cháu T1 được giao cho bà A trực tiếp nuôi dạy, theo quy định của pháp luật thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Bà A yêu cầu cấp dưỡng cho con mỗi con chung 750.000 đồng/tháng, giữa bà A và ông P không có thỏa thuận mức cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định thì mức cấp dưỡng không được thấp hơn 50% mức lương cơ bản (lương cơ bản hiện nay 1.490.000 đồng), do đó mức cấp dưỡng mỗi tháng 750.000 đồng bà A yêu cầu cấp dưỡng đối với một con là phù hợp. Buộc ông P cấp dưỡng cho cháu T và cháu T1 mỗi tháng mỗi cháu 750.000 đồng và phương thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo định quy định là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A cho rằng tài sản chung không có và nợ chung tự thỏa thuận, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông P về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên không có căn cứ làm rõ phần tài sản chung và nợ chung giữa bà A và ông P. Do đó, cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có trA chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Bà A phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, ông P phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà A đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Kiều A (Đỗ Kiều A).

- Về hôn nhân: Cho bà Đỗ Kiều A (Đỗ Kiều A) ly hôn với ông Cao Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 656/201304 ngày 06/9/2004 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

+ Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho bà A trực tiếp nuôi dạy cháu Cao Thị T, sinh 19/8/2007 và cháu Cao D T1, sinh 03/01/2017 (các cháu hiện nay đang sống với bà A). Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ông P có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với bà A; nếu ông P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Buộc ông Cao Văn P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Cao Thị T, sinh 19/8/2007 với số tiền 750.000 đồng/tháng và có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Cao D T1, sinh 03/01/2017 với số tiền 750.000 đồng/tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Phương thức cấp dưỡng: 01 tháng cấp dưỡng 01 lần, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 31/5/2022. Khi có lý do chính đáng và có yêu cầu thì mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án mà ông P chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, thì ông P còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà A phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, bà A đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004443 ngày 22/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ. Buộc ông P phải nộp án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng (chưa nộp).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thờ;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thờ;
- UBND xã K;
- Đường sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải